

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VIỆT NAM

Ths. Lê Xuân Tinh*

Hiện nay, nước ta đã và đang tham gia đàm phán, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, bên cạnh đó cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ đã tạo ra cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Bài viết sẽ làm rõ hơn về vấn đề này.

• Từ khóa: thức ăn chăn nuôi, CN 4.0, năng lực cạnh tranh.

Currently, our country has been participating in the negotiation and signing of many free trade agreements, especially new free trade agreements. Besides, the industrial revolution 4.0 is going to create opportunities and challenges for Vietnamese businesses. Vietnamese feed producers are also not out of that trend. The article will clarify this issue.

• Keywords: animal feed, industry 4.0, competitiveness.

Ngày nhận bài: 1/3/2019

Ngày chuyển phần biện: 11/3/2019

Ngày nhận phần biện: 15/3/2019

Ngày chấp nhận đăng: 19/3/2019

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, hàng năm Việt Nam phải chi hàng tỷ USD nhập khẩu các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (TACN). Do phụ thuộc nhập khẩu nên giá TACN trong nước luôn cao hơn 20 - 30% so với các nước trên thế giới. Trong khi công nghệ sản xuất còn yếu, vùng nguyên liệu không ổn định, công tác quản lý thiếu chặt chẽ, quy mô doanh nghiệp nhỏ, liên kết doanh nghiệp kém... các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước bị lép vế trước các doanh nghiệp ngoại là do họ phải đối mặt với tình trạng chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng

cao (chiếm hơn 70% tổng chi phí sản xuất); chất lượng thức ăn chăn nuôi của một số doanh nghiệp trong nước không đảm bảo như công bố trên bao bì, năng lực marketing, năng lực nghiên cứu và phát triển, năng lực sáng tạo còn kém... Trong khi đó, các doanh nghiệp nước ngoài được hưởng lợi về thuế, hỗ trợ từ công ty mẹ về giá nhập khẩu, công nghệ và mua trả chậm, năng lực tài chính, năng lực marketing, năng lực sáng tạo mạnh... Vì thế, các doanh nghiệp sản xuất TACN nước ta chưa thể bứt phá và phát triển thiếu ổn định. Bên cạnh đó, các cam kết của Việt Nam đối với các Hiệp định thương mại tự do trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng đã ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi. Điều này buộc các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước phải nhận thức được những tác động tiềm ẩn, đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt, xu thế phát triển của ngành để có các dự báo và giải pháp thích ứng phù hợp.

2. Thực trạng sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Hiện cả nước có hơn 245 doanh nghiệp sản xuất TACN, trong đó số lượng nhà máy nội địa chiếm phần lớn nhưng chỉ đạt dưới 40% thị phần. Ngược lại, số lượng nhà máy của nước ngoài chỉ khoảng 30% nhưng chiếm trên 65% thị phần. Nghịch lý thứ hai, giá thực phẩm có nguồn gốc từ gia súc, gia cầm ở đầu ra rất thấp,

* Viện Vi sinh vật và Công nghệ Sinh học, ĐHQGHN

nhưng chi phí thức ăn đầu vào rất cao (chiếm khoảng 70% giá thành).

- *Sản lượng thức ăn chăn nuôi*: Tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp quy đổi trong giai đoạn 2001 - 2012 là 86,7 triệu tấn, tăng từ 3,0 triệu tấn năm 2001 lên 12,7 triệu tấn năm 2012, tăng bình quân 14,0%/năm. Đến năm 2016, cả nước có gần 244 cơ sở, nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, trong đó 186 cơ sở (chiếm 75,2%) là các doanh nghiệp trong nước; hơn 60 cơ sở là liên doanh và 100% vốn nước ngoài, tuy hai hình thức sở hữu này chỉ chiếm 24,8% về số lượng cơ sở, nhưng công suất thiết kế chiếm tới 51,2% tổng công suất. Tỷ lệ thức ăn chăn nuôi công nghiệp được sử dụng trong chăn nuôi của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng trung bình là 6,5%/năm tăng từ 41,6% năm 2008 lên 61,6% năm 2017.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất TACN Việt Nam phụ thuộc nặng nề vào nguyên liệu nhập khẩu, chiếm khoảng 45% lượng nguyên liệu sử dụng làm TACN. Nguyên liệu thô nhập khẩu bao gồm bột đậu tương, ngô, dinh dưỡng gia súc, nhiều loại bột và cám như dừa khô, hạt cải, các loại hạt và cám mỳ...

- *Cơ cấu và quy mô của các doanh nghiệp*: Tính đến hết năm 2017, cả nước có 245 nhà máy sản xuất TACN, giảm so với 272 nhà máy so với năm 2013. Các nhà máy ngừng hoạt động chủ yếu là những nhà máy quy mô nhỏ, không cạnh tranh được trên thị trường TACN, trong khi nhiều công ty TACN lớn do nước ngoài đầu tư vốn không ngừng mở rộng quy mô sản xuất. Do vậy, mặc dù số lượng nhà máy giảm xuống song sản lượng TACN công nghiệp năm 2017 vẫn tiếp tục tăng lên. Các doanh nghiệp nước ngoài hoặc

Bảng 1: Sản lượng TACN gia súc, gia cầm công nghiệp thời kỳ 2000 - 2017

	2000		2005		2010		2015		2017	
	1.000 tấn	%	1.000 tấn	%	1.000 tấn	%	1.000 tấn	%	1.000 tấn	%
Tổng TACN công nghiệp	2.700	100,0	4.512	100,0	10.583	100,0	15.847	100,0	19.381	100,0
Trong đó DN nước ngoài và liên doanh	1.242	46,0	3.007	66,6	6.403	60,4	9.507	60,0	11.472	59,2
DN trong nước	1.458	54,0	1.505	33,3	4.195	39,6	6.340	40,0	7.908	40,8

Nguồn: Cục Chăn nuôi

Bảng 2: Số lượng nhà máy TACN gia súc, gia cầm công nghiệp năm 2013 - 2017

TT	Vùng sinh thái	Nước ngoài		Liên doanh		Trong nước		Tổng		Tỷ lệ (%)	
		2013	2017	2013	2017	2013	2017	2013	2017	2013	2017
1	TD và MN phía Bắc	2	2	1	1	14	4	17	7	6,25	2,9
2	ĐB sông Hồng	20	23	2	1	90	88	112	112	41,2	45,7
3	Bắc TB và DHMT	4	10	0	1	12	25	16	26	5,88	10,6
4	Tây Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0,00	0
5	ĐB sông Cửu Long	13	15	1	0	33	23	47	38	17,3	15,5
6	Đông Nam Bộ	22	19	2	0	56	31	80	50	29,4	20,4
	Tổng cộng	61	71	6	3	205	171	272	245	100,0	100,0

Nguồn: Hiệp hội sản xuất thức ăn chăn nuôi.

có vốn nước ngoài hiện vẫn đang chiếm lĩnh thị phần TACN tại Việt Nam. Năm 2017, tại Việt Nam có 71 nhà máy thuộc doanh nghiệp TACN nước ngoài và liên doanh, chiếm 30% tổng số nhà máy TACN. Doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất là Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam với 19,4% trong tổng sản lượng sản xuất ra thị trường. Khu vực Đồng bằng sông Hồng đã chiếm 43% sản lượng TACN công nghiệp, Đông Nam Bộ chiếm 27%, Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 13%. Như vậy, hai khu vực đồng bằng lớn ở hai miền chiếm tới 80% sản lượng TACN, còn lại 20% phân bố ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và các tỉnh miền núi phía Bắc. Cơ cấu phân bố nhà máy TACN rất không đều. Vì vậy, cần khuyến cáo các tỉnh hạn chế mở mới, đặc biệt ở các vùng có mật độ nhà máy cao.

- Khách hàng của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn Việt Nam: Đến năm 2050 dân số thế giới được dự đoán ở mức 9 tỉ người cùng với sự gia tăng dân số là nhu cầu về nguồn lương thực, thực phẩm. Đến năm 2050 sản lượng thịt bò sẽ tăng lên 106 triệu tấn so với 64 triệu tấn, sản lượng thịt heo sẽ tăng 143 triệu tấn so với 100 triệu tấn, thịt gà tăng 181 triệu tấn so với 82 triệu tấn so với năm 2005 kéo theo đó là sự phát triển của ngành TACN Việt Nam. Theo dự báo của USDA Post dự báo tăng trưởng ngành TACN Việt Nam năm 2019 sẽ duy trì ở mức 3%. Việt Nam là một trong những nước tiêu dùng thịt lợn lớn nhất thế giới và đứng thứ hai châu Á sau Trung Quốc. Trong đó, ngành chăn nuôi lợn là động lực chính của ngành TACN nội địa. Sau cuộc khủng hoảng năm 2016, ngành chăn nuôi lợn đối mặt với thách thức giá trị thịt lợn giảm xuống dưới giá thành, buộc nhiều nông dân chăn nuôi nhỏ phải rời bỏ ngành.

- Đối thủ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất TACN Việt Nam:

Doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất hiện nay là Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam với 19,42% trong tổng sản lượng sản xuất ra thị trường; đứng sau là Công ty TNHH Cargill Việt Nam 8,11%; Proconco 7,51%; ANT; Greenfeed;

Anco; Japfa. Công ty CP đang nắm giữ 40% thị phần đối với ngành hàng gà công nghiệp; 50% thị phần trứng công nghiệp và 18 - 20% thị phần ngành TACN tại Việt Nam. Tính đến năm 2013, Công ty Cargill có tổng cộng 6 nhà máy chế biến TACN, năng công suất lên 1 triệu tấn/năm. Công ty Proconco hiện đang có 4 công ty tại Việt Nam, trụ sở lớn nhất đặt tại Đồng Nai. Theo Bộ NN&PTNT, Việt Nam hiện có 5 doanh nghiệp lớn sản xuất TACN là Dabaco, Masan, GreenFeed, Vina và Lái Thiêu chiếm 23% thị phần.

3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Ngành TACN sau hơn 20 năm hội nhập đã thu được những thành tựu rất lớn, mức tăng trưởng trung bình từ 10 - 15%/năm, đã đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ ngành công nghiệp TACN phát triển nhanh nhất khu vực.

3.1. Kết quả đạt được của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Một là, mức tăng trưởng nhanh: Việt Nam nhưng doanh nghiệp doanh nghiệp nội cũng không kém cạnh, chịu thua trên sân chơi lớn này. Việt Nam hiện là nước đứng đầu khối ASEAN và đứng thứ 12 thế giới về sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Năm 2017, cả nước có 245 nhà máy TACN với tổng công suất thiết kế lên trên 30,0 triệu tấn/năm và có trên 250 cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung.

Hai là, quy mô và số lượng doanh nghiệp, thu hút đầu tư ngày càng tăng: Vốn đầu tư lĩnh vực TACN đều do tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư. Hiện nay, 100% vốn đầu tư cho ngành công nghiệp TACN ở Việt Nam đều của tư nhân. Tỷ lệ thức ăn chăn nuôi công nghiệp được sử dụng trong chăn nuôi của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng trung bình là 6,5%/năm tăng, đây là một kết quả tích cực đối với ngành TACN. Ngành TACN cũng là ngành thu hút được đầu tư trong và ngoài nước cao nhất trong lĩnh vực nông nghiệp mà gần 100% đều là vốn của tư nhân.

Ba là, công nghệ chế biến TACN không ngừng được cải tiến và hiện đại hoá. Do thị trường TACN phát triển muộn và tăng trưởng nhanh, đầu tư hiệu quả nên phần lớn các dây chuyền chế biến TACN được đầu tư đều thuộc thế hệ mới và xuất xứ từ các nước phát triển. Các doanh nghiệp trong nước sản xuất TACN liên tục mở rộng quy mô và làm chủ được công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến ngang tầm với các DN FDI, điển hình như: Dabaco, Greenfeed, Masan, Hòa Phát, Lái Thiêu, Vina, Austfeed...

3.2. Hạn chế của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

Việt Nam đang đứng đầu các nước ASEAN về sản xuất thức ăn chăn nuôi và xếp thứ 12 trên thế giới. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nội địa sản xuất TACN nước ta còn nhiều hạn chế:

Thứ nhất, thiếu nguồn nguyên liệu và phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu: Nhiều chuyên gia nông nghiệp cho rằng, hiện giá TACN bị “đội” lên khoảng từ 15 đến 20% so với các nước trong khu vực, vì chúng ta chưa tự cung cấp được nguồn nguyên liệu, phần lớn vẫn phải nhập khẩu.

Thứ hai, công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi ở Việt Nam còn lạc hậu so với nhu cầu thực tế.

4. Một số giải pháp để phát triển các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi Việt Nam

- Nhà nước cần hạn chế tối đa sự độc quyền của các doanh nghiệp FDI trên thị trường TACN, tạo ra sự cạnh tranh về giá. Nhà nước cần có quy hoạch cho vùng nguyên liệu, đồng thời có những chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp nội vay vốn đầu tư tạo vùng nguyên liệu, từ đó, thu hút ngày càng nhiều hơn các doanh nghiệp trong nước vào đầu tư, nghiên cứu, sản xuất TACN.

- Nhà nước và các tổ chức tín dụng nên có những chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp vay vốn đầu tư tạo vùng nguyên liệu. Cần phải tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng thông qua xác lập cơ chế thực thi đơn giản và rõ ràng để rút ngắn khoảng cách giữa chính sách với thực tế triển khai. Trên cơ sở tạo điều kiện tiếp cận vốn

tín dụng tốt cho người dân và doanh nghiệp, nhà nước cần có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân xây dựng cầu cảng, hệ thống vận chuyển, nhà kho chuyên dụng, mở sàn giao dịch về thức ăn chăn nuôi qua mạng để các doanh nghiệp, người chăn nuôi cập nhật thông tin về giá nguyên liệu, giá thành phẩm thức ăn chăn nuôi trong nước và trên thị trường thế giới.

- Cần có các biện pháp quản lý ngay từ khâu nhập khẩu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là các chất phụ gia. Các cơ quan chức năng phải tăng cường lấy mẫu phân tích, kiểm tra chất lượng thức ăn gồm các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo công bố hàm lượng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn ISO và công bố của đơn vị sản xuất để kịp thời phát hiện vi phạm và xử lý nghiêm các cơ sở sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước cần có định hướng hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam rõ ràng hơn, như hỗ trợ đào tạo kỹ thuật, đào tạo nghiên cứu sản xuất để các doanh nghiệp Việt Nam có đủ nhân lực đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành và cạnh tranh với sản phẩm của nước ngoài có thể tràn vào Việt Nam. Về phía các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trong nước, cần chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất và chiến lược phát triển thị trường hợp lý để chủ động nguồn nguyên liệu.

Tài liệu tham khảo:

Chu Đình Khu: “Sản xuất và quản lý thức ăn chăn nuôi công nghiệp tại Việt Nam”, Cục chăn nuôi.

Hội thảo quốc tế “Thức ăn chăn nuôi ở Đông Nam Á: Thách thức và Triển vọng”. Ngày 5/11/2015, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Trung tâm Thông tin PTNNNT công bố, Báo cáo thường niên ngành thức ăn chăn nuôi năm 2016 và triển vọng 2017.

<http://thoibaonganhang.vn/thuc-an-chan-nuoi-thi-truong-dan-dat-cuoc-choi-79532.html>

<https://viracresearch.com/industry/bao-cao-chuyen-sau-nganh-thuc-an-chan-nuoi-viet-nam-q12018>

http://agro.gov.vn/vn/tID14580_San-xuat-thuc-an-chan-nuoi-le-thuoc-nuoc-ngoai-.htm